TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2025/DS-ST
Ngày 18 – 4 –2025
"V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:55/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:53/2025/QĐST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1993 và anh Kiều Hoàng M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bà H có mặt tại phiên tòa; Chị G và anh M vắng mặt lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Hồ Thị H bày yêu cầu như sau:

Ngày 10/09/2021 âm lịch thì chị có tham gia dây hụi do chị Trần Thị G làm chủ hụi, hụi 01 tháng xổ 01 lần, có 22 chân hụi, giá hụi 2.000.000đ/tháng, bà tham

gia chơi 01 chân hụi, bà đóng hụi được 17 lần, thì chị G úp hụi, chị G còn nợ lại bà 17 lần x 2.000.000đ = 34.000.000đ.

Ngày 10/09/2021 âm lịch thì bà có tham gia dây hụi do chị Trần Thị G làm chủ hụi, hụi 01 tháng xổ 01 lần, có 22 chân hụi, giá hụi 2.000.000đ/tháng, chị tham gia chơi 01 chân hụi, chị đóng hụi được 21 lần, thì chị G úp hụi, chị G còn nợ lại bà 21 lần x 2.000.000đ = 42.000.000đ.

Ngày 17/02/2022 âm lịch có tham gia dây hụi do chị Trần Thị G làm chủ hụi, hụi 01 tháng xổ 01 lần, có 15 chân hụi, giá hụi 5.000.000đ/tháng, chị tham gia chơi 01 chân hụi, chị đóng hụi được 13 lần thì hốt, chị G còn nợ lại chị 13 lần x 5.000.000đ = 65.000.000đ + 01 lần hụi sống 4.500.000đ = 69.500.000đ, trừ hoa hồng 2.500.000đ còn lại 67.000.000đ – số tiền bà nợ hụi 2.500.000đ thì còn lại 64.500.000đ.

Ngày 25/11/2022 âm lịch chị có tham gia dây hụi do chị Trần Thị G làm chủ hụi, hụi 01 tháng xổ 01 lần, có 20 chân hụi, giá hụi 2.000.000đ/tháng, bà tham gia chơi 01 chân hụi, bà đóng hụi được 4 lần, thì chị G úp hụi, chị G còn nợ lại bà 4 lần x 2.000.000đ = 8.000.000đ, chị G xin bớt 3.000.000đ còn nợ lại bà số tiền 5.000.000đ.

Tổng cộng 04 chân hụi: 34.000.000đ + 42.000.000đ + 64.500.000đ + 5.000.000đ = 145.500.000đ. Sau đó chị G trả được 7.000.000đ còn nợ lại 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Chị G viết biên nhận thừa nhận nợ ký ngày 19/8/2023 al nhưng đến nay không trả cho bà.

Đến ngày 01/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành hòa giải thì chị G cũng thừa nhận trả nợ và hứa hẹn trả nợ, nhưng sau đó vẫn không trả nên bà nộp đơn ra Tòa án.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị G trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất, yêu cầu trả trong hạn 02 tháng. Không yêu cầu ông Kiều Hoàng M liên đới trả nợ.

***Bị đơn chị Trần Thị G và anh Kiều Hoàng M*:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh M có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Tại phiên tòa chỉ yêu cầu chị G có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Còn đối với chị G và anh M vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thiên ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử bắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị H yêu cầu giải quyết buộc chị Trần Thị G trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 138.500.000đ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, ý kiến trình bày và yêu cầu của chị H phù hợp với biên nhân nợ và biên bản hòa giải ngày 01/3/2024 các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đây là trường hợp có thật, thừa nhận hoặc không phản đối theo yêu cầu của chị H đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của chị H, chị G phải có nghĩa vụ trả cho chị Hằng số tiền hụi được lĩnh còn nợ là 138.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Đồng thời, chị H không yêu cầu ông Kiều Hoàng M trả nợ nên không xem xét. Chị H không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện A theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu chị G và anh M trả số tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng chị G và anh M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Chị H yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị G có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ hụi còn lại là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm

trăm nghìn đồng), không yêu cầu anh M cùng có trách nhiệm trả nợ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị G đến Tòa án để hòa giải nhưng chị G đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H. Hội đồng xét xử căn cứ vào "Biên nhận tiền hụi nợ" đề ngày 19/8/2023 âm lịch có chữ ký của chị Trần Thị G xác nhận còn nợ của chị Hồ Thị Hằng S tiền hụi là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và hứa trả hàng tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tại Biên bản hòa giải tại xã Đ vào ngày 01/3/2024 thể hiện nội dung là chị G thừa nhận còn nợ lại chị Hằng số tiền nợ hụi là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và hứa trả mỗi tháng 2.000.000đ nhưng chị H không đồng ý, hòa giải không thành nên chị H khởi kiện ra Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng chị G có viết biên nhận nợ và ra Ủy ban nhân dân xã thừa nhận nợ nên việc chị G còn nợ tiền hụi của chị H là đúng sự thật. Do đó, cần buộc chị Trần Thị G có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hồ Thị Hằng S tiền nợ hụi là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh M có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) cùng với chị G. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh M có nghĩa vụ liên đới trả nợ với chị G.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị H buộc chị Trần Thị G có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Về lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu nên không xen xét giải quyết.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí của vụ án: 138.500.000đ x 5% = 6.925.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H về việc yêu cầu chị Trần Thị G trả số tiền nợ hụi là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc chị Trần Thị G có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Hằng S tiền là 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với nguyên đơn bà Hồ Thị H yêu cầu anh Kiều Hoàng M có nghĩa vụ liên đới cùng với chị Trần Thị G trả số tiền nợ hụi 138.500.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí vụ kiện:

Buộc chị Trần Thị G phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.925.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Hồ Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.462.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003539 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm